

TÀI LIỆU GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ

CÂU BỊ ĐỘNG VỚI THÌ TƯƠNG LAI HOÀN THÀNH (Passive Voice in Future Perfect Tense)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ Ý NGHĨA BẢN CHẤT

Thì **Tương lai Hoàn thành (Future Perfect Tense)** dùng để diễn tả một hành động sẽ được hoàn thành trước một thời điểm xác định hoặc trước một hành động khác trong tương lai.

Khi chuyển sang **Câu bị động (Passive Voice)**, mục đích là nhấn mạnh vào *đối tượng chịu tác động* của hành động (Tân ngữ cũ trở thành Chủ ngữ mới), nhấn mạnh rằng đối tượng đó sẽ "được" hoặc "bị" hoàn thành xong trước một mốc thời gian nào đó.

II. CÔNG THỨC VÀ BIẾN ĐỔI

Để giúp học viên dễ nhớ, chúng ta luôn đi từ cấu trúc chủ động, sau đó thực hiện quy tắc chuyển đổi chéo kinh điển.

1. Công thức Thể Khẳng định

CHỦ ĐỘNG (Active): $S + will + have + V_{3/ed} + O$

BỊ ĐỘNG (Passive): $S_{(mới)} + will + have been + V_{3/ed} + (by O_{mới})$

2. Công thức Thể Phủ định

CHỦ ĐỘNG (Active): $S + will not (won't) + have + V_{3/ed} + O$

BỊ ĐỘNG (Passive): $S_{(mới)} + will not (won't) + have been + V_{3/ed} + (by O_{mới})$

3. Công thức Thể Nghi vấn

CHỦ ĐỘNG (Active): **Will + S + have + V_{3/ed} + O?**

BỊ ĐỘNG (Passive): **Will + S_(mới) + have been + V_{3/ed} + (by O_{mới})?**

III. QUY TRÌNH 4 BƯỚC CHUYỂN ĐỔI MẪU

Hãy hướng dẫn học viên phân tích theo đúng sơ đồ logic dưới đây dựa trên ví dụ gốc của bạn:

MẪU CÂU PHÂN TÍCH CHUẨN

Câu chủ động: My Dad will have built the house.

Bước 1: Xác định thành phần câu chủ động

- Chủ ngữ (S): **My Dad**
- Động từ chính: **will have built** (Thì tương lai hoàn thành)
- Tân ngữ (O): **the house**

Bước 2: Đưa Tân ngữ lên làm Chủ ngữ mới

- **the house** biến thành **S_(mới)**.

Bước 3: Áp dụng cấu trúc bị động thời Tương lai Hoàn thành

- Biến đổi cụm động từ thành: **will have been built** (Thêm **been** vào giữa **have** và **V_{3/ed}**).

Bước 4: Chuyển Chủ ngữ cũ thành tân ngữ sau "by"

- Thêm **by My Dad** vào cuối câu.

Kết quả câu bị động: **The house will have been built by my Dad.**

Dịch nghĩa: Ngôi nhà sẽ được xây xong bởi bố của tôi.

IV. LƯU Ý QUAN TRỌNG KHI GIẢNG DẠY

1. Vị trí của các trạng từ chỉ thời gian

Thì này rất hay đi kèm với các cụm từ như **by + mốc thời gian** (trước lúc...), **by the time + mệnh đề thời hiện tại đơn**. Trạng từ này luôn đặt ở cuối câu bị động, sau cụm **by + O**.

2. Lược bỏ thành phần "by O"

Nếu chủ ngữ trong câu chủ động là các đại từ bất định hoặc mơ hồ (*they, people, someone, basic pronouns...*), chúng ta có thể lược bỏ hoàn toàn cụm *by them, by people...* trong câu bị động để câu gọn gàng hơn.

V. BÀI TẬP THỰC HÀNH (10 CÂU TỰ LUẬN)

Yêu cầu: Học viên hãy chuyển các câu chủ động dưới đây sang câu bị động ở thì Tương lai Hoàn thành. Phân tích rõ Tân ngữ và động từ trước khi viết câu mới.

1. **Sentence 1:** The workers will have finished the new highway by the end of this year.
2. **Sentence 2:** She will have completed the project before the meeting starts.
3. **Sentence 3:** They will have cleaned the entire house by the time their guests arrive.
4. **Sentence 4:** The chef will have prepared the special dinner by 7 PM.
5. **Sentence 5:** The company will have launched the new smartphone before December.
6. **Sentence 6:** Firefighters will have extinguished the forest fire by tomorrow morning.
7. **Sentence 7:** He will have paid all his debts before he retires.
8. **Sentence 8:** The mechanic will have repaired my car by this afternoon.
9. **Sentence 9:** Students will have submitted their assignments before the deadline.
10. **Sentence 10:** They will have sent the official invitations by next Monday.

VI. ĐÁP ÁN CHI TIẾT VÀ GIẢI THÍCH MẪU CÂU

Dưới đây là phần đáp án phục vụ giáo viên đối chiếu hoặc phát cho học viên sau khi kết thúc thời gian làm bài làm.

1. The new highway will have been finished by the workers by the end of this year.

Giải thích: Tân ngữ "the new highway" đưa lên làm chủ ngữ. Động từ chuyển thành "will have been finished". Trạng ngữ chỉ thời gian đặt ở cuối câu. Dịch nghĩa: Tuyến đường cao tốc mới sẽ được hoàn thành bởi các công nhân trước cuối năm nay.

2. The project will have been completed by her before the meeting starts.

Giải thích: Tân ngữ "the project" làm chủ ngữ mới, cụm "she" biến đổi thành "by her". Dịch nghĩa: Dự án sẽ được hoàn thành bởi cô ấy trước khi cuộc họp bắt đầu.

3. The entire house will have been cleaned by the time their guests arrive.

Giải thích: Tân ngữ "the entire house" chuyển lên đầu câu. Chủ ngữ cũ là "They" được lược bỏ vì không xác định cụ thể, giúp câu tự nhiên hơn. Dịch nghĩa: Toàn bộ ngôi nhà sẽ được dọn dẹp sạch sẽ trước lúc khách của họ đến.

4. The special dinner will have been prepared by the chef by 7 PM.

Giải thích: Đưa "the special dinner" lên đầu câu. Cụm "will have prepared" thêm "been" ở giữa. Dịch nghĩa: Bữa tối đặc biệt sẽ được chuẩn bị bởi đầu bếp trước 7 giờ tối.

5. The new smartphone will have been launched by the company before December.

Giải thích: Tân ngữ "the new smartphone" làm chủ ngữ nhận tác động. Dịch nghĩa: Chiếc điện thoại thông minh mới sẽ được tung ra thị trường bởi công ty trước tháng Mười Hai.

6. The forest fire will have been extinguished by firefighters by tomorrow morning.

Giải thích: Tân ngữ "the forest fire" (vụ cháy rừng) lên làm chủ ngữ. Dịch nghĩa: Vụ cháy rừng sẽ được dập tắt bởi các lính cứu hỏa trước sáng ngày mai.

7. All his debts will have been paid before he retires.

Giải thích: Tân ngữ "all his debts" lên làm chủ ngữ mới. Chủ ngữ "He" đổi thành "by him" nhưng có thể lược bỏ vì ngữ cảnh đã rõ ràng và nhấn mạnh vào việc trả nợ. Dịch nghĩa: Tất cả các khoản nợ sẽ được thanh toán xong trước khi anh ấy nghỉ hưu.

8. My car will have been repaired by the mechanic by this afternoon.

Giải thích: Tân ngữ "my car" chuyển lên làm chủ ngữ chịu hành động sửa chữa. Dịch nghĩa: Xe ô tô của tôi sẽ được sửa xong bởi người thợ cơ khí trước chiều nay.

9. Their assignments will have been submitted by students before the deadline.

Giải thích: Tân ngữ "their assignments" làm chủ ngữ mới. Dịch nghĩa: Các bài tập của họ sẽ được nộp bởi các học sinh trước hạn chót.

10. The official invitations will have been sent by next Monday.

Giải thích: Tân ngữ "the official invitations" làm chủ ngữ. Chủ ngữ "They" được chủ động lược bỏ để câu văn trang trọng hơn. Dịch nghĩa: Thư mời chính thức sẽ được gửi đi trước thứ Hai tuần tới.